

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/DS-ST

Ngày: 27-10-2021

V/v Tranh chấp về dân sự -

Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Điệp;
2. Ông Phạm Phước Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 152b/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 14/TB-TA ngày 13 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 12/TB-TA ngày 09 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 263/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 6, xã BS, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Dương Nhật Đ, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện M, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2021).

Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1972.

Anh Lê Văn C, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã BS, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Đ có mặt tại phiên tòa, chị N, anh C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/3/2021, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 30/6/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm anh Dương Nhật Đ đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Thị T thống nhất trình bày:

Vào ngày 13/8/2018, chị Lê Thị N có hỏi vay của chị Bùi Thị T số tiền 170.000.000 đồng, mục đích vay tiền là mua sắm vật dụng trong gia đình, hai bên có làm tờ biên nhận nợ. Thỏa thuận lãi suất 30.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 5 tháng không có lập văn bản, hình thức đóng lãi hàng tháng.

Từ ngày vay đến nay chị N không có đóng tiền lãi và cũng không trả vốn cho chị T. Chị T đã nhiều lần gặp chị N cùng chồng là anh Lê Văn C nhưng chị N và anh C cố tình trốn tránh.

Chị Bùi Thị T yêu cầu chị Lê Thị N, anh Lê Văn C, có trách nhiệm liên đới trả cho chị T số tiền 170.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn là chị Lê Thị N và anh Lê Văn C đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án, đã biết được nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

01 Tờ biên nhận, có nội dung Lê Thị N mượn của Bùi Thị T số tiền “170.000.000.000 (một trăm bảy chục triệu đồng)”, có chữ ký ghi họ tên Lê Thị N, Lê Thị Hoàng P, Lê Thị Ngọc B, Bùi Thị T, được viết tay bằng mực bút bi màu xanh trên giấy tập học sinh, gồm 01 trang (Bản chính);

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 26/4/2021 và đã thông báo kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu chị N và anh C trả số tiền vay là 170.000.000 đồng. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn có địa chỉ: Ấp 6, xã BS, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị Lê Thị N và anh Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, chị T không yêu cầu anh C liên đới trả nợ, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu anh C liên đới trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu chị N trả số tiền vốn vay là 170.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận định: Ngày 13/8/2018, chị Lê Thị N có vay của chị Bùi Thị T số tiền 170.000.000 đồng hai bên có làm biên nhận, mục đích mua sắm vật dụng gia đình; Biên nhận chị N ký tên và ghi họ tên. Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ việc và yêu cầu khởi kiện của chị T, cũng như tài liệu, chứng cứ mà chị T đã nộp kèm theo đơn khởi kiện cho chị N. Tuy nhiên, chị N vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ngày 13/8/2018, chị N còn nợ chị T số tiền 170.000.000 đồng là có thật và buộc chị N có nghĩa vụ trả số tiền 170.000.000 đồng cho chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về tiền lãi: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của chị T nên chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cụ thể số tiền là 170.000.000 đồng x 5% = 8.500.000 đồng.

Chị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T về việc yêu anh Lê Văn C liên đới trả nợ.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T. Buộc chị Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị T số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Chị Lê Thị N phải chịu 8.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Bùi Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012384 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Hà